

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO.....
 PHÒNG GD VÀ ĐT
 Trường: Tiểu học
 Họ và tên: Lớp:

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I
 MÔN TIẾNG ANH KHÓI 2
 NĂM HỌC 2020-2021
 Thời gian: 35 phút
 MÃ ĐỀ: TA2-U1-U3L4-K2

Marks	Listening		Reading and writing			Speaking	Comments
	Q.1	Q.2	Q.3	Q.4	Q.5		

Part I: Listening: 5 points

Question 1: Listen and tick ✓. There's one example. (2.5 points)

1 		2 	
a. <input type="checkbox"/>	b. <input checked="" type="checkbox"/>	a. <input type="checkbox"/>	b. <input type="checkbox"/>
3 		4 	
a. <input type="checkbox"/>	b. <input type="checkbox"/>	a. <input type="checkbox"/>	b. <input type="checkbox"/>
5 		6 	
a. <input type="checkbox"/>	b. <input type="checkbox"/>	a. <input type="checkbox"/>	b. <input type="checkbox"/>

Question 2: Listen and number. There's one example. (2.5 points)

a. 	b. 	c. 
<input type="checkbox"/>	1 <input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
d. 	e. 	f. 
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Part II: Reading and writing: 4 points

Question 3: Look and read. Put a tick (✓) or a cross (✗) in the box.

There're two examples. (2 points)

1. It's brown and yellow.



2. My grandma is young.



3. - "What colour is it?"

- "It's black and white."



4. - "What is it?"

- "It's an elephant."



5. They're elephants.



6. They're my trousers.



Question 4: Look, read and circle. There's one example. (1 point)

1. It's a **dress.** / **hat.**



2. They're **sweaters.** / **shoes.**



3. This is my **grandpa.** / **grandma.**



4. - "What is it?"

- "It's **a cow.** / **a giraffe.**"



5. They're my **skirts.** / **socks.**



Question 5: Look at the pictures and the letters, write the words. There's one example. (1 point)



1.

g b i → b i g



2.

l o d → l o d



3.

n o i l → n o i l



4.

a t h → a t h



5.

s s h o e → s s h o e

Part III: Speaking: 1 point

Question 6:

1. Listen and repeat.

2. Look and say.